

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Mã lớp học phần: MH110412301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		9,0	Chín	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		10	mười	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		9,0	Chín	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		10	mười	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		8,0	Tám	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		8,0	Tám	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		10	mười	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		7,0	Bảy	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		7,0	Bảy	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		9,0	Chín	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		10	mười	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		10	mười	C21KT	
13	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		0,0	Không	C21KT	
14	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		8,0	Tám	C21KT	
15	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		9,0	Chín	C21KT	
16	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yến	26/11/1998		10	mười	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt/không đạt: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_%

Ngày: 21 tháng 10 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Ngày: 21 tháng 10 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

  
Trần Hồng Đạt

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: MH110412301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		8,5	Tám rưỡi	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		9,5	Chín rưỡi	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		8,5	Tám rưỡi	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		8,0	Tám	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		5,5	Năm rưỡi	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		5,0	Năm	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		9,0	Chín	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		5,0	Năm	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		5,0	Năm	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		4,5	Bốn rưỡi	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		8,5	Tám rưỡi	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		6,5	Sáu rưỡi	C21KT	
13	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		0,0	Không	C21KT	
14	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		6,0	Sáu	C21KT	
15	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		9,0	Chín	C21KT	
16	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yên	26/11/1998		10	Mười	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

Số sinh viên đạt/không đạt: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....21

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

## BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: MH110412301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/08/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: TBS1

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997			6,0	Sau	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001			5,0	Nam	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993			3,5	Ba phẩy Năm	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001			3,5	B.N phẩy Năm	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001			4,0	Một	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001			1,5	Một phẩy Năm	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001			0,5	Không phẩy Năm	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001			2,0	Hai	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001			1,0	Một	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001			1,0	Một	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001			9,5	Chín phẩy Năm	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001			2,0	Hai	C21KT	
13	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001			3,0	Ba	C21KT	
14	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000			6,0	Sau	C21KT	
15	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yên	26/11/1998			8,0	Tám	C21KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_, Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)